

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới; sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt; lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP, ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2358/TTr-SNN, ngày 20 tháng 12 năm 2016 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 1502/STP-KSTT ngày 12 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính mới, sửa đổi 09 thủ tục hành chính và bãi bỏ 05 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương; ban hành 01 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại các Quyết định: Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 07/7/2014; Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính mới; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *K*

- Văn phòng CP (Cục kiểm soát TTHC);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP (Lg,V), Th;
- Lưu: VT. *✓*



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-SNN ngày tháng năm 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thủ tục hành chính <i>(Ghi rõ Điều, khoản, điểm, tên loại, số, ký hiệu và trích yếu văn bản)</i>
I. Lĩnh vực Trồng trọt		
1.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	Căn cứ Điều 10, Điều 11, Điều 12, Chương 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT, ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT - Bộ Công thương Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (cho cơ sở sản xuất, sản xuất và sơ chế rau, quả, chè)	Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
3	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (cho cơ sở sản xuất, sản xuất và sơ chế rau, quả, chè).	Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP (cho cơ sở sản xuất; sản xuất và sơ chế rau, quả, chè)	Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật		
1.	Thủ tục kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Căn cứ Điều 8, Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT, ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm dịch thực vật nội địa

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thủ tục hành chính <i>(Ghi rõ Điều, khoản, điểm, tên loại, số, ký hiệu và trích yếu văn bản)</i>
1	Thủ tục Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật	Căn cứ Điều 5 Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT, ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SNN, ngày tháng năm 2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Trồng trọt			
1.	Thủ tục Công nhận cây dầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)	<p>- Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận cây dầu dòng gửi hồ sơ về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật nơi có nguồn giống; Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lên, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.</p> <p>Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký công nhận cây dầu dòng. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Quyết định thành lập Hội đồng bình tuyển cây dầu dòng;</p> <p>+ Trong thời gian 35 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập, Hội đồng bình tuyển tiến hành</p>	<p>Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>

		<p>thẩm định cây đầu dòng, lập biên bản gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Hội đồng bình tuyển, Chi cục trưởng ra quyết định cấp hoặc không cấp Giấy công nhận cây đầu dòng.</p> <p>Trường hợp không công nhận, sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 3: Trình tự bình tuyển</p> <p>Hội đồng thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa về đặc điểm, sinh trưởng, phát triển của cây đầu dòng theo yêu cầu kỹ thuật và chỉ tiêu chất lượng quy định tại tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng.</p> <p>Trường hợp cây trồng đăng ký bình tuyển chưa có tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng, Hội đồng xây dựng tiêu chí bình tuyển, trình Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phê duyệt trước khi tiến hành bình tuyển.</p> <p>Hội đồng lập biên bản đề nghị công nhận hoặc không công nhận cây đầu dòng gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến và qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>- Cơ quan thực hiện TTHC:</p>	
--	--	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> + Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn + Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật + Cơ quan phối hợp (nếu có): Có <p>- Căn cứ pháp lý của TTHC:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	
2.	Thủ tục Công nhân lai cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)	<p>- Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: Trước khi Giấy chứng nhận cây đầu dòng hết hạn 03 tháng, Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận lai cây đầu dòng gửi hồ sơ về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.</p> <p>Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra, đánh giá, nếu đủ điều kiện thì công nhận lai cây đầu dòng.</p> <p>Bước 3: Căn cứ biên bản đánh giá của Hội đồng thẩm</p>	<p>- Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và</p>

		<p>định, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét và quyết định cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng.</p> <p>Trường hợp không được cấp, tổ chức, cá nhân sẽ nhận văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến và qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>- Cơ quan thực hiện TTHC:</p> <p>+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p> <p>· Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p> <p>+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Có</p> <p>- Căn cứ pháp lý của TTHC:</p> <p>+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	Phát triển nông thôn.
--	--	--	-----------------------

3.	<p>Thủ tục Công nhận vườn cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)</p>	<p>- Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng gửi hồ sơ về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật nơi có nguồn cây giống; Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.</p> <p>Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng.</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Tổ thẩm định vườn cây đầu dòng;</p> <p>+ Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập, Tổ thẩm định tiến hành thẩm định vườn cây đầu dòng, lập biên bản gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật,</p> <p>¹ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Tổ thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định cấp hoặc</p>	<p>- Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
----	--	--	---

		<p>không cấp Giấy công nhân vườn cây đầu dòng; trường hợp không công nhân, phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 3: Hội đồng thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa về đặc điểm, sinh trưởng, phát triển của cây đầu dòng theo yêu cầu kỹ thuật và chỉ tiêu chất lượng quy định tại tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng.</p> <p>Trường hợp cây trồng đăng ký bình tuyển chưa có tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng, Hội đồng xây dựng tiêu chí bình tuyển, trình Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phê duyệt trước khi tiến hành bình tuyển.</p> <p>Hội đồng lập biên bản đề nghị công nhận hoặc không công nhận cây đầu dòng gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>- Cơ quan thực hiện TTHC:</p> <p>+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p> <p>+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p>	
--	--	--	--

		<p>+ Cơ quan phối hợp (nếu có). Có</p> <p>- Căn cứ pháp lý của TTHC:</p> <p>+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	
4	<p>Thủ tục Công nhận lại vườn cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)</p>	<p>- Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: Trước khi Giấy Công nhận cây đầu dòng hết hạn 03 tháng, Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận lại vườn cây đầu dòng gửi hồ sơ về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có nguồn cây giống Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.</p> <p>Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra, đánh giá, nếu đủ điều kiện thì công nhận lại vườn cây đầu dòng.</p> <p>Bước 3: Căn cứ biên bản đánh giá của Hội đồng thẩm định, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét và quyết định cấp lại Giấy công nhận vườn cây đầu dòng.</p> <p>Trường hợp không cấp được, tổ chức, cá nhân sẽ nhận văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực</p>	<p>- Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>

		<p>vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện TTHC: <ul style="list-style-type: none"> + Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn + Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. · Cơ quan phối hợp (nếu có): Có - Căn cứ pháp lý của TTHC: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	
5.	<p>Thủ tục tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một. Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và hướng dẫn bổ sung nếu chưa hợp lệ; nếu hồ sơ hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ viết 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo

		<p>phiếu hẹn.</p> <p>Bước 3: Đến ngày hẹn trong phiếu (07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ), tổ chức, cá nhân đến nơi nộp hồ sơ nhân Bản Thông báo Trường hợp không được cấp, sẽ nhận văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>- Cơ quan thực hiện TTHC:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. + Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật · Cơ quan phối hợp (nếu có): Không. <p>- Căn cứ pháp lý của TTHC:</p> <ul style="list-style-type: none"> · Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật			
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<p>- Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ tại Chi cục</p>	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số</p>

	<p>Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lén, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Nếu hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá</p> <p>Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc</p> <p>Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở</p> <p>Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.</p> <p>Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ</p>	<p>41/2013/QH13.</p> <p>- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</p> <p>- Quyết định số 2655/QĐ-BNN-PC ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc bãi bỏ quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.</p> <p>- Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp</p>
--	--	---

		<p>thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.</p> <p>Trường hợp không cấp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc gửi trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời hạn giải quyết: 21 ngày làm việc</p> <p>- Cơ quan thực hiện TTHC:</p> <p>+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p> <p>· Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.</p> <p>+ Cơ quan thực hiện trực tiếp TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.</p> <p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Có</p> <p>Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 63 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:</p> <p>1. Về nhân lực</p>	và Phát triển nông thôn
--	--	--	-------------------------

	<p>Chủ cơ sở bán thuốc, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, lâm sinh hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ về thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp</p> <p>2. Về địa điểm</p> <p>Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện, khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.</p> <p>3. Về kho thuốc bảo vệ thực vật</p> <p>a) Đối với kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán lẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m; - Kho có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm <p>b) Kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán buôn đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia <u>TCVN 5507 2002</u> Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.</p> <p>- Căn cứ pháp lý của TTHC:</p> <p>+ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của</p>	
--	--	--

		<p>Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản, thực phẩm.</p> <p>+ Quyết định số 2655/QĐ-BNN-PC ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc bãi bỏ quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.</p> <p>+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<p>- Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn). Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.</p> <p>Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc</p>	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.</p> <p>- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</p> <p>- Quyết định số 2655/QĐ-BNN-PC ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc bãi bỏ quy định về điều</p>

	<p>Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá</p> <p>Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp cơ sở đã được kiểm tra đánh giá xếp (loại A) theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản thì không thành lập Đoàn đánh giá.</p> <p>Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở</p> <p>Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.</p> <p>Không đánh giá đối với cơ sở đã được kiểm tra đánh giá xếp loại A</p> <p>Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ</p>	<p>kiên đầu tư, kinh doanh tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành</p> <p>- Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>
--	--	---

		<p>thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.</p> <p>Trường hợp không cấp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc gửi trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời hạn giải quyết:</p> <p>+ 21 ngày làm việc đối với trường hợp phải thành lập đoàn đánh giá.</p> <p>+ 10 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở được xếp Loại A.</p> <p>- Cơ quan thực hiện TTHC:</p> <p>+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không</p> <p> : Cơ quan thực hiện trực tiếp TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p> <p>+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Không</p> <p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Có</p>	
--	--	--	--

	<p>Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 63 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:</p> <p>1. Về nhân lực</p> <p>Chủ cơ sở bán thuốc, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, lâm sinh hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ về thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.</p> <p>2. Về địa điểm</p> <p>Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.</p> <p>3. Về kho thuốc bảo vệ thực vật</p> <p>a) Đối với kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán lẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m, - Kho có kê kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm. <p>b) Kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán buôn đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia <u>TCVN 5507:2002</u> Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn</p>	
--	--	--

		<p>trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển</p> <p>- Căn cứ pháp lý của TTHC:</p> <p>+ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.</p> <p>- Quyết định số 2655/QĐ-BNN-PC ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc bãi bỏ quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành</p> <p>- Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	
3.	Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	<p>- Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp nhân hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 03 ngày làm</p>	<p>Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo</p>

		việc. <ul style="list-style-type: none"> · Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp không cấp phải thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc gửi qua trực tuyến, đường bưu điện. - Cơ quan thực hiện TTHC: <ul style="list-style-type: none"> + Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. + Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không + Cơ quan thực hiện trực tiếp TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật + Cơ quan phối hợp (nếu có): không. - Căn cứ pháp lý của TTHC: <ul style="list-style-type: none"> + Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt. + Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ 	vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
--	--	---	--

		giới đường bộ; · Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
4.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật với quảng cáo trên báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương	<p>- Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lén, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 10 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc gửi trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Cơ quan thực hiện TTHC:</p> <p>· Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p> <p>+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền</p>	Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

		<p>hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không</p> <ul style="list-style-type: none"> · Cơ quan thực hiện trực tiếp TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật + Cơ quan phối hợp (nếu có): Không - Căn cứ pháp lý của TTHC: <ul style="list-style-type: none"> + Nghị định số 181/2013/NĐ-CP, ngày 14/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. + Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT. 	
--	--	---	--

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-SNN ngày tháng năm 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ HỦY BỎ, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số TT	Số TT QĐ 1620/QĐ- UBND	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thủ tục hành chính (Ghi rõ Điều, khoản, điểm, tên loại, số, ký hiệu và trích yếu văn bản)
1.	5.	Thủ tục Hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức, cá nhân để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, sơ chế và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP (theo Khoản 5, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 -2020 thay thế cho Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2012.
2	6.	Thủ tục Hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức của Nhà nước đầu tư cho công tác nghiên cứu sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao (theo Khoản 1, Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 -2020 thay thế cho Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2012.
3	7.	Thủ tục Hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức, cá nhân thuê dịch vụ tư vấn, điều tra khảo sát (theo	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát

		Khoản 1, 2, 3, Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)	triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 -2020 thay thế cho Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2012.
4.	8.	Thủ tục Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân về phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm (theo Khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 -2020 thay thế cho Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2012.
5	10.	Thủ tục Đăng ký quảng cáo về thuốc BVTV, nguyên liệu thuốc BVTV, sinh vật có ích dùng trong BVTV, vật tư BVTV; phân bón và chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt; giống cây trồng trên phương tiện quảng cáo.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 thay thế Pháp lệnh quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH10 từ ngày 01/01/2013.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày tháng năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới; sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt; lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ủy ban nhân dân cấp xã.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP, ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN, ngày tháng năm 2016 và Giám đốc Sở tư pháp tại Văn bản số 1502/STP-KSTT, ngày 12 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính mới, sửa đổi 09 thủ tục hành chính và bãi bỏ 05 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương; ban hành 01 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại các quyết định: Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 07/7/2014; Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính mới; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ngành; UBND cấp huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
I. Lĩnh vực Trồng trọt		
1.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	1
2.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (cho cơ sở sản xuất; sản xuất và sơ chế rau, quả, chè).	5
3.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (cho cơ sở sản xuất; sản xuất và sơ chế rau, quả, chè).	11
4.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP (cho cơ sở sản xuất; sản xuất và sơ chế rau, quả, chè).	18
II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật		
5.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	21

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Trang
I. Lĩnh vực Trồng trọt			
1.	1. QĐ 1620/QĐ-	Thủ tục Công nhận cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn	Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát

	UBND	quả lâu năm)	triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
2.	2. QĐ 1620/QĐ-UBND	Thủ tục Công nhận lại cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)	Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	29
3.	3. QĐ 1620/QĐ-UBND	Thủ tục Công nhận vườn cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)	Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	31
4.	4. QĐ 1620/QĐ-UBND	Thủ tục Công nhận lại vườn cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)	Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	34
5.	11. QĐ 1620/QĐ-UBND	Thủ tục tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc phạm vi quản lý của	Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm	36

		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật				
6.	1. QĐ 2854/QĐ- UBND	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Quyết định số 2655/QĐ-BNN-PC ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc bãi bỏ quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. - Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	40
7.	2. QĐ 2854/QĐ- UBND	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ 	46

			<p>- Quyết định số 2655/QĐ-BNN-PC ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc bãi bỏ quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.</p> <p>- Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	
8.	3. QĐ 2854/QĐ- UBND	Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	52
9.	1. QĐ 1700/QĐ- UBND	Thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật với quảng cáo trên báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương	Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	56

--	--	--	--	--

** Ghi chú: Sửa đổi bổ sung các thủ tục hành chính số: 1, 2, 3, 4, 11 của Quyết định số 1620/QĐ-UBND, ngày 07/7/2014; thủ tục số 1, 2, 3 của Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 04/11/2015; thủ tục số 1 của Quyết định số 1700/QĐ-UBND, ngày 30/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.*

3. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương

STT		Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Trồng trọt			
1.	5. QĐ 1620/QĐ-UBND	Thủ tục Hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức, cá nhân để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, sơ chế và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP (theo Khoản 5, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 -2020 thay thế cho Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2012.
2.	6. QĐ 1620/QĐ-UBND	Thủ tục Hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức của Nhà nước đầu tư cho công tác nghiên cứu sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao (theo Khoản 1, Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 -2020 thay thế cho Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2012.
3.	7. QĐ 1620/QĐ-	Thủ tục Hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức, cá nhân thuê dịch vụ tư vấn, điều tra khảo sát (theo	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát triển

	UBND	Khoản 1, 2, 3, Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).	nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 -2020 thay thế cho Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2012.
4.	8. QĐ 1620/QĐ-UBND	Thủ tục Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân về phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm (theo Khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 -2020 thay thế cho Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2012.
5.	12. QĐ 1620/QĐ-UBND	Thủ tục Đăng ký quảng cáo về thuốc BVTV, nguyên liệu thuốc BVTV, sinh vật có ích dùng trong BVTV, vật tư BVTV; phân bón và chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt; giống cây trồng trên phương tiện quảng cáo.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 thay thế Pháp lệnh quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH10 từ ngày 01/01/2013.

** Ghi chú: Bãi bỏ các thủ tục hành chính số: 5, 6, 7, 8, 12 của Quyết định số 1620/QĐ-UBND, ngày 07/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.*

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỐI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
I. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật		
1.	Thủ tục Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật	59

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÌNH DƯƠNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của sở nông nghiệp và phát triển nông thôn

I. Lĩnh vực Trồng trọt

1. Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Đường Nguyễn Văn Lân, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một.

Bước 2: Trong vòng 10 ngày làm việc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức đề nghị.

Bước 3: Căn cứ kết quả kiểm tra trả lời lên 80% ở mỗi phần câu hỏi khiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành, trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có trách nhiệm xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 13 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): không

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Có giá trị trong thời hạn 03 năm).

- Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí cấp giấy xác nhận tập huấn về an toàn thực phẩm là: 30.000 đồng (1 lần cấp/1 chứng chỉ).

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a, Phụ lục 4, Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT, ngày 09/4/2014.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): có

Giấy xác nhận xác nhận tập huấn về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80 % số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT, ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT – Bộ Công thương Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

+ Thông tư số 149/2013/TT-BTC, ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng, phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

Tên tổ chức/doanh nghiệp
Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số ngày
..... tháng năm, nơi cấp
Địa chỉ:, Số điện thoại.....
Số Fax E-mail.....
Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, chúng tôi /Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.
(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

....., ngày tháng ... năm ..
Đại diện Tổ chức
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức
(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của
.....(tên tổ chức)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

....., ngày tháng ... năm.....
Đại diện Tổ chức xác nhận
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (cho cơ sở sản xuất; sản xuất và sơ chế rau, quả, chè).

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ sở nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Đường Nguyễn Văn Lên, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một;

Bước 2: Trong vòng 03 ngày làm việc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và xem xét hồ sơ đồng thời thông báo bằng văn bản nếu hồ sơ không đầy đủ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, xếp loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện, hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở (trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra, xếp loại). Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận ATTP thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên): bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;
- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo mẫu (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên);
- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh);
- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 18 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Có (đối với cơ sở sản xuất và sơ chế rau, quả, chè).

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Có giá trị trong thời hạn 03 năm).

- **Phí, lệ phí (nếu có):**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm 150.000 đồng (1 lần cấp), đối với cơ sở đã được xếp loại.

Đối với cơ sở chưa xếp loại: Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \leq 100 triệu đồng/tháng là: 1.000.000 đồng.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \geq 100 triệu đồng/tháng là: 1.500.000 đồng.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Thông tư số 149/2013/TT-BTC, ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng, phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Quyết định số 54/QĐ-SNN, ngày 25/3/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT Về việc phân công cơ quan kiểm tra cấp tỉnh trong việc thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Công văn số 1688/SNN-NN, ngày 08/9/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phân công cơ quan kiểm tra cấp tỉnh thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:
4. Điện thoại Fax Email.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-
...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

BẢN THUYẾT MINH
Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện
an toàn thực phẩm

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:
 - + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²
 - + Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
 - + Khu vực đóng gói thành phẩm : m²
 - + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
 - + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐ Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐ Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐ Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh:

- Tổng số: người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: người.

+ Lao động gián tiếp: người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

.....

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở ☐ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

- Thuê ngoài ☐ Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC TRÔNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Cơ sở/ Establishment:

Mã số/ Approval number:

Địa chỉ/ Address:

Điện thoại/ Tel: , *Fax:*

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

- 1.
- 2.
- 3.

Số cấp/ Number: / XXXX / NNPTNT-YYY

Có hiệu lực đến ngày tháng năm

Valid until (date/month/year)

() và thay thế Giấy chứng nhận số:*

and replaces The Certificate N^o.....

cấp ngày tháng năm

issued on (day/month/year)

....., ngày tháng năm/,
day/month/year

CHI CỤC TRƯỞNG

XXXX: 4 chữ số của năm cấp giấy

YYY: chữ viết tắt tên Tỉnh theo tên viết tắt địa phương, nơi cơ sở SXKD được kiểm tra, chứng nhận điều kiện ATTP.

() : Ghi trong trường hợp Giấy chứng nhận được cấp lại*

3. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (cho cơ sở sản xuất; sản xuất và sơ chế rau, quả, chè).

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước khi 6 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn cơ sở nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Đường Nguyễn Văn Lên, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một;

Bước 2: Trong vòng 03 ngày làm việc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và xem xét hồ sơ đồng thời thông báo bằng văn bản nếu hồ sơ không đầy đủ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, xếp loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện, hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở (trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra, xếp loại). Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận ATTP thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên): bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo mẫu (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên);

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh);

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 18 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Có (đối với cơ sở sản xuất và sơ chế rau, quả, chè).

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (có giá trị trong thời hạn 03 năm).

- Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm 150.000 đồng (1 lần cấp), đối với cơ sở đã được xếp loại.

Đối với cơ sở chưa xếp loại: Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm là

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \leq 100 triệu đồng/tháng là: 1.000.000 đồng.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \geq 100 triệu đồng/tháng là: 1.500.000 đồng.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): không

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Thông tư số 149/2013/TT-BTC, ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng, phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Quyết định số 606/QĐ-UBND, ngày 16/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phân công, phân cấp cơ quan kiểm tra cấp địa phương trong việc thực hiện Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Quyết định số 54/QĐ-SNN, ngày 25/3/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT Về việc phân công cơ quan kiểm tra cấp tỉnh trong việc thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Công văn số 1688/SNN-NN, ngày 08/9/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phân công cơ quan kiểm tra cấp tỉnh thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
2. Mã số (nếu có):.....
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:
4. Điện thoại Fax Email.....
- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-
...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

BẢN THUYẾT MINH
Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện
an toàn thực phẩm

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:
+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
+ Khu vực đóng gói thành phẩm : m²
+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:
2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐ Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐ Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐ Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp: người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

.....

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở ☐ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

- Thuê ngoài ☐ Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác:

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

.....
(tên Cơ quan cấp giấy)

Cơ sở/ Establishment:

Mã số/ Approval number:

Địa chỉ/ Address:

Điện thoại/ Tel: Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

- 1.
- 2.
- 3.

Số cấp/ Number: / XXXX / NNPTNT-YYY

Có hiệu lực đến ngày tháng năm

Valid until (date/month/year)

(*) và thay thế Giấy chứng nhận số:

and replaces The Certificate N^o

cấp ngày tháng năm

issued on (day/month/year)

....., ngày tháng năm/,
day/month/year

(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu)

XXXX: 4 chữ số của năm cấp giấy

YYY: chữ viết tắt tên Tỉnh theo tên viết tắt địa phương, nơi cơ sở SXKD được kiểm tra, chứng nhận điều kiện ATTP.

(*): Ghi trong trường hợp Giấy chứng nhận được cấp lại

4. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP (cho cơ sở sản xuất; sản xuất và sơ chế rau, quả, chè).

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ sở nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Đường Nguyễn Văn Lân, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một;

Bước 2: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP của cơ sở, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP thực hiện thẩm tra hồ sơ và xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận ATTP cho cơ sở. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận ATTP thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên): bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo mẫu (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên);

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh);

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 05 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Có (đối với cơ sở sản xuất và sơ chế rau, quả, chè)

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Thời hạn của Giấy chứng nhận ATTP đối với trường hợp cấp lại trùng với thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận ATTP đã được cấp trước đó).

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Lệ phí cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm là: 150.000 đồng (1 lần cấp).

Đối với cơ sở có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP: Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \leq 100 triệu đồng/tháng là: 1.000.000 đồng.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \geq 100 triệu đồng/tháng là: 1.500.000 đồng.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Thông tư số 149/2013/TT-BTC, ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng, phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Quyết định số 606/QĐ-UBND, ngày 16/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phân công, phân cấp cơ quan kiểm tra cấp địa phương trong việc thực hiện Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Quyết định số 54/QĐ-SNN, ngày 25/3/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT Về việc phân công cơ quan kiểm tra cấp tỉnh trong việc thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Công văn số 1688/SNN-NN, ngày 08/9/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phân công cơ quan kiểm tra cấp tỉnh thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật

5. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ vật thể nộp hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Đường Nguyễn Văn Lân, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương.

Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật quyết định địa điểm và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể.

Bước 4: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến và qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 24 giờ

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): không

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Tại Mục VI, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật ban hành kèm theo quy định tại Thông tư 223/2012/TT-BTC quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;

+ Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm dịch thực vật nội địa.

+ Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:.....
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax/E-mail:.....
Số Giấy CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:
Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật sau:
1. Tên hàng: Tên khoa học:.....
Cơ sở sản xuất:
Địa chỉ:
2. Số lượng và loại bao bì:
3. Khối lượng tịnh: Khối lượng cả bì:.....
4. Phương tiện chuyên chở:
5. Nơi đi:
6. Nơi đến:
7. Mục đích sử dụng:
8. Địa điểm sử dụng:
9. Thời gian kiểm dịch:
10. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có):.....
.....
Số bản Giấy chứng nhận KDTV cần cấp: bản chính; bản sao
Vào sổ số: ngày/...../.....

Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
(TÊN CƠ QUAN KDTV)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

Số: /KDTV

Cấp cho:

Địa chỉ:

Điện thoại:

CĂN CỨ CẤP GIẤY:

- ☐ Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu sốngày...../...../... ;
- ☐ Giấy đăng ký KDTV;.....
- ☐ Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu;
- ☐ Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;
- ☐ Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của nước xuất khẩu;
- ☐ Căn cứ khác:

CHỨNG NHẬN:

Những vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) sau đây:

Tên khoa học:

Số lượng:

Khối lượng: (viết bằng chữ)

Phương tiện vận chuyển:

Nơi đi:

Nơi đến:

☐ Chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam

☐ Phát hiện loài là đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại trên;

☐ Phát hiện sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại lạ trên;

☐ Lô vật thể trên được phép chở tới:

QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:

☐ Lô vật thể được phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;

☐ Lô vật thể được phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam

- ☐ Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam (*trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng,*);
- ☐ Điều kiện khác:

Thủ trưởng cơ quan
(*Ký tên, đóng dấu*)

Ghi chú: Chủ vật thể không được chở lô vật thể đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan KDTV.

2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương

I. Lĩnh vực Trồng trọt

1. Thủ tục Công nhận cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận cây đầu dòng gửi hồ sơ về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.

Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký công nhận cây đầu dòng. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Quyết định thành lập Hội đồng bình tuyển cây đầu dòng.

+ Trong thời gian 35 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập, Hội đồng bình tuyển tiến hành thẩm định cây đầu dòng, lập biên bản gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Hội đồng bình tuyển, Chi cục trưởng ra quyết định cấp hoặc không cấp Giấy công nhận cây đầu dòng;

Trường hợp không công nhận, sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do.

Bước 3: Trình tự bình tuyển:

Hội đồng thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa về đặc điểm, sinh trưởng, phát triển của cây đầu dòng theo yêu cầu kỹ thuật và chỉ tiêu chất lượng quy định tại tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng.

Trường hợp cây trồng đăng ký bình tuyển chưa có tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng, Hội đồng xây dựng tiêu chí bình tuyển, trình Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phê duyệt trước khi tiến hành bình tuyển.

Hội đồng lập biên bản đề nghị công nhận hoặc không công nhận cây đầu dòng gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến và qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (theo mẫu);

- Các tài liệu liên quan gồm: Sơ đồ vườn cây; báo cáo về nguồn giống; kết quả nghiên cứu, hội thi (nếu có).

+ Báo cáo về nguồn giống phải có các nội dung: nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; các chỉ tiêu về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng (số liệu của 03 năm liên tục gần nhất).

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 45 ngày làm việc

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Có

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy Công nhận cây đầu dòng.

- **Phí, lệ phí (nếu có):**

Phí thẩm định, công nhận cây đầu dòng (cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm) là: 2.000.000 đồng/cây.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT, ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

+ Thông tư số 180/2011/TT-BTC, ngày 14/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN CÂY ĐÀU DÒNG CÂY CÔNG NGHIỆP,
CÂY ẲN QUẢ LÂU NĂM**

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Bình Dương.

1. Tên tổ chức, cá nhân:
 2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail:.....
 3. Tên giống:.....
 4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng
Thôn..... xã..... huyện..... tỉnh/TP:.....
 5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
 - Năm trồng:
 - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (*cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác*):.....
 - Tình hình sinh trưởng (*chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng*):.....
 - Năng suất, chất lượng của giống (*nêu những chỉ tiêu chủ yếu*):
 6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:
 - Sơ đồ vườn cây;
 - Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
 - Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
 - Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.
- Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 20.....

Đại diện đơn vị*

(ký tên, đóng dấu)

(*Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân gửi kèm theo đơn)

2. Thủ tục Công nhận lại cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước khi Giấy chứng nhận cây đầu dòng hết hạn 03 tháng, Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận lại cây đầu dòng gửi hồ sơ về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.

Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra, đánh giá, nếu đủ điều kiện thì công nhận lại cây đầu dòng.

Bước 3: Căn cứ biên bản đánh giá của Hội đồng thẩm định, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét và quyết định cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng.

Trường hợp không được cấp, tổ chức, cá nhân sẽ nhận văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến và qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận lại;
- Bản sao quyết định lần công nhận gần nhất;
- Các tài liệu liên quan khác: Sơ đồ nguồn giống, báo cáo tóm tắt về sinh trưởng; năng suất, chất lượng, số lượng khai thác vật liệu nhân giống trong thời gian lần công nhận gần nhất.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, Tổ chức

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Có

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy Công nhận cây đầu dòng

- Phí, lệ phí (nếu có): Công nhận lại cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm. Mức phí: 1.400.000 đồng/cây

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT, ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

+ Thông tư số 180/2011/TT-BTC, ngày 14/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Thủ tục Công nhận vườn cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng gửi hồ sơ về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.

Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Tổ thẩm định vườn cây đầu dòng.

+ Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập, Tổ thẩm định tiến hành thẩm định vườn cây đầu dòng, lập biên bản gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Tổ thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định cấp hoặc không cấp Giấy công nhận vườn cây đầu dòng; trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do.

Bước 3: Hội đồng thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa về đặc điểm, sinh trưởng, phát triển của cây đầu dòng theo yêu cầu kỹ thuật và chỉ tiêu chất lượng quy định tại tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng.

Trường hợp cây trồng đăng ký bình tuyển chưa có tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng, Hội đồng xây dựng tiêu chí bình tuyển, trình Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phê duyệt trước khi tiến hành bình tuyển.

Hội đồng lập biên bản đề nghị công nhận hoặc không công nhận cây đầu dòng gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (*theo mẫu*);

- Các tài liệu liên quan gồm: Sơ đồ vườn cây, báo cáo về vườn cây đầu dòng.

- Báo cáo về vườn cây đầu dòng phải có các nội dung: Nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; nhận xét về sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất

lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng.

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 33 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Có

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy Công nhận

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Phí Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm. Mức phí: 500.000 đồng/cây.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Đơn đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (*theo mẫu*).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT, ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

+ Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail:.....
3. Tên giống:.....
4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng
Thôn..... xã..... huyện..... tỉnh/TP:.....
5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
 - Năm trồng:
 - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (*cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác*):.....
 - Tình hình sinh trưởng (*chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng*):.....
 - Năng suất, chất lượng của giống (*nêu những chỉ tiêu chủ yếu*):Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:
 - Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
 - Diện tích vườn (m^2):
 - Khoảng cách trồng (m x m):
6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:
 - Sơ đồ vườn cây;
 - Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
 - Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
 - Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 20.....

Đại diện đơn vị*
(*ký tên, đóng dấu*)

(*Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân gửi kèm theo đơn)

4. Thủ tục Công nhận lại vườn cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước khi Giấy Công nhận cây đầu dòng hết hạn 03 tháng, Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận lại vườn cây đầu dòng gửi hồ sơ về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lên, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.

Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra, đánh giá, nếu đủ điều kiện thì công nhận lại vườn cây đầu dòng.

Bước 3: Căn cứ biên bản đánh giá của Hội đồng thẩm định, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét và quyết định cấp lại Giấy công nhận vườn cây đầu dòng.

Trường hợp không cấp được, tổ chức, cá nhân sẽ nhận văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận lại;
- Bản sao quyết định lần công nhận gần nhất;
- Các tài liệu liên quan khác: Sơ đồ nguồn giống, báo cáo tóm tắt về sinh trưởng; năng suất, chất lượng, số lượng khai thác vật liệu nhân giống trong thời gian lần công nhận gần nhất.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 18 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, Tổ chức

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Có

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy Công nhận

- Phí, lệ phí (nếu có): Công nhận lại vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm. Mức phí: 350.000 đồng/cây

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Không có
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không
- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT, ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

+ Thông tư số 180/2011/TT-BTC, ngày 14/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Thủ tục tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.

Bước 2: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và hướng dẫn bổ sung nếu chưa hợp lệ; nếu hồ sơ hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ viết phiếu hẹn.

Bước 3: Đến ngày hẹn trong phiếu (07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ), tổ chức, cá nhân đến nơi nộp hồ sơ nhận Bản Thông báo. Trường hợp không được cấp, sẽ nhận văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua bưu điện về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy.

- Bản công bố hợp quy (*theo mẫu*);

- Bản sao có chứng thực chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;

- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng).

2. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

- Bản công bố hợp quy (*theo mẫu*);

- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng).

- Kết quả thử nghiệm, hiệu chuẩn (nếu có) tại phòng thử nghiệm được chỉ định;

- Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng (*theo mẫu*) hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008;

- Kế hoạch giám sát định kỳ;

- Báo cáo đánh giá hợp quy gồm những nội dung:

+ Đối tượng được chứng nhận hợp quy;

- + (Số hiệu, tên) tài liệu kỹ thuật sử dụng làm căn cứ để chứng nhận hợp quy;
- + Tên và địa chỉ của tổ chức thực hiện đánh giá hợp quy;
- + Phương thức đánh giá hợp quy được sử dụng;
- + Mô tả quá trình đánh giá hợp quy (lấy mẫu, đánh giá, thời gian đánh giá,...) và các lý giải cần thiết (ví dụ: lý do lựa chọn phương pháp/phương thức lấy mẫu/đánh giá);
- + Kết quả đánh giá (bao gồm cả độ lệch và mức chấp nhận);
- + Thông tin bổ sung khác.
- + **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ
- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời gian 07 ngày làm việc
- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.
- **Cơ quan thực hiện TTHC:**
 - + Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
 - + Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
 - + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
 - + Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.
- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thông báo tiếp nhận công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.
- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):**
- Bản công bố hợp quy (*theo mẫu*);
- Kế hoạch kiểm soát chất lượng (*theo mẫu*).
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không.
- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**
 - + Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn về hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
 - + Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
Số

Tên tổ chức, cá nhân:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
E-mail

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*):
Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*):
Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, chức vụ, đóng dấu*)

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng năm

Đại diện doanh nghiệp
(ký tên, đóng dấu)

II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Nếu hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá

Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở

Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.

Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.

Trường hợp không cấp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc gửi trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu);

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu).

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 21 ngày làm việc

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

+ Cơ quan thực hiện trực tiếp TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

- **Phí, lệ phí (nếu có): có**

Phí thẩm định điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

+ Đối với cửa hàng: 500.000 đồng/mỗi lần thẩm định.

+ Đối với đại lý: 1.000.000 đồng/mỗi lần thẩm định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Có**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

+ Tờ khai Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Có**

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 63 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

1. Về nhân lực

Chủ cơ sở bán thuốc, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, lâm sinh hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ về thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.

2. Về địa điểm

Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

3. Về kho thuốc bảo vệ thực vật

a) Đối với kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán lẻ

- Khi xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m;

- Kho có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

b) Kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán buôn đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

- + Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- + Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- + Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- + Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

- + Quyết định số 2655/QĐ-BNN-PC ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc bãi bỏ quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- + Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Tel:..... Fax: E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel:..... Fax: E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất ☐

- Sản xuất thuốc kỹ thuật ☐

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật ☐

- Đóng gói ☐

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng ☐

- Cơ sở không có cửa hàng ☐

☐ Cấp mới ☐ Cấp lại lần thứ.....

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật./.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Loại hình hoạt động

- | | |
|--------------------------------|--------------------------|
| - DN nhà nước | <input type="checkbox"/> |
| - DN liên doanh với nước ngoài | <input type="checkbox"/> |
| - DN tư nhân | <input type="checkbox"/> |
| - DN 100% vốn nước ngoài | <input type="checkbox"/> |
| - DN cổ phần | <input type="checkbox"/> |
| - Hộ buôn bán | <input type="checkbox"/> |
| - Khác: (ghi rõ loại hình) | <input type="checkbox"/> |

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²
- Diện tích/công suất khu vực chứa/kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó: (hoặc danh sách kèm theo)

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định (Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).....
- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).....
- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

☐ Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên ☐ dưới 5000 kg ☐

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax: E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

7. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn). Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lên, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá

Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Trường hợp cơ sở đã được kiểm tra đánh giá xếp (loại A) theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản thì không thành lập Đoàn đánh giá.

Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở

Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.

Không đánh giá đối với cơ sở đã được kiểm tra đánh giá xếp loại A.

Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.

Trường hợp không cấp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc gửi trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (*theo mẫu*);

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (*theo mẫu*);

- Biên bản kiểm tra, đánh giá đạt loại A (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ 21 ngày làm việc đối với trường hợp phải thành lập đoàn đánh giá.

+ 10 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở được xếp Loại A.

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

+ Cơ quan thực hiện trực tiếp TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

- Phí, lệ phí (nếu có): có

Phí thẩm định điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

+ Đối với cửa hàng: 500.000 đồng/mỗi lần thẩm định.

+ Đối với đại lý: 1.000.000 đồng/mỗi lần thẩm định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (*theo mẫu*).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Có

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 63 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

1. Về nhân lực

Chủ cơ sở bán thuốc, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa

học, lâm sinh hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ về thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.

2. Về địa điểm

Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

3. Về kho thuốc bảo vệ thực vật

a) Đối với kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán lẻ

- Khi xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m;

- Kho có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

b) Kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán buôn đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

- + Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- + Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- + Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- + Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

- + Quyết định số 2655/QĐ-BNN-PC ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc bãi bỏ quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- + Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Tel:..... Fax: E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel:..... Fax: E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất ☐

- Sản xuất thuốc kỹ thuật ☐

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật ☐

- Đóng gói ☐

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng ☐

- Cơ sở không có cửa hàng ☐

☐ Cấp mới ☐ Cấp lại lần thứ.....

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật./.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

- 1. Đơn vị chủ quản:**
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: E-mail:
2. Tên cơ sở:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: E-mail:
3. Loại hình hoạt động
- DN nhà nước
.....
.....
☐
- DN liên doanh với nước ngoài ☐
- DN tư nhân ☐
- DN 100% vốn nước ngoài ☐
- DN cổ phần ☐
- Hộ buôn bán ☐
- Khác: (ghi rõ loại hình) ☐
4. Năm bắt đầu hoạt động:
5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

- 1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)**
- Diện tích cửa hàng:m²
- Diện tích/công suất khu vực chứa/kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:
.....
2. Nhân lực:
Danh sách nhân lực, trong đó: (hoặc danh sách kèm theo)
- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định (Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).....

- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (*Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).....

- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

☐ Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên ☐ dưới 5000 kg ☐

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:.....

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax:..... E-mail:.....

b) Trạm cấp cứu gần nhất:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):.....

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):.....

d) Đoàn cảnh sát gần nhất:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):.....

đ) Tên khu dân cư gần nhất:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):.....

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

8. Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp nhận hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 03 ngày làm việc.

+ Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp không cấp phải thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc gửi qua trực tuyến, đường bưu điện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (*theo mẫu*);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật của người điều khiển phương tiện hoặc người áp tải hàng, khi nộp mang theo bản chính để đối chiếu (đối với vận chuyển bằng đường bộ);

- Một trong bản sao chụp các giấy tờ sau:

+ Hợp đồng cung ứng;

+ Hợp đồng vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật;

+ Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật;

+ Bản kê khai vận chuyển hàng hóa của công ty (có xác nhận và dấu của công ty);

- Lịch trình vận chuyển hàng hóa, địa chỉ và điện thoại của chủ hàng (có xác nhận và dấu của công ty).

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- + Cơ quan thực hiện trực tiếp TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
- + Cơ quan phối hợp (nếu có): không.
- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.
- **Phí, lệ phí (nếu có):** Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật là 300.000 đồng/lần.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không.
- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**
 - + Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.
 - + Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt.
 - + Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
 - + Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
 - + Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.
 - + Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép vận chuyển.....
Địa chỉ:
Điện thoại:.....Fax:.....
Quyết định thành lập doanh nghiệp số.....ngày.....thángnăm.....
Đăng ký doanh nghiệp số.....ngày.....thángnăm.....
tại.....Số tài khoản.....Tại ngân hàng.....
Họ tên người đại diện pháp luật.....Chức danh.....
CMND/Hộ chiếu số.....do.....cấp ngày...../...../.....
Hộ khẩu thường trú.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp ***“Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật”*** đối với loại thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV/ hoạt chất	Số UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển

cho phương tiện giao thông
Tôi cam kết đảm bảo an toàn để tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật./.

....., ngày.....thángnăm.....
Người làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**GIẤY PHÉP
VẬN CHUYỂN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép vận chuyển.....
2. Tên phương tiện, biển kiểm soát ⁽¹⁾
3. Tên chủ phương tiện giao thông
- CMND/Hộ chiếu số.....do.....cấp ngày.../.../.....
- Hộ khẩu thường trú.....
4. Tên người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ ⁽²⁾
- CMND/Hộ chiếu số.....do.....cấp ngày.../.../.....
- Hộ khẩu thường trú.....
5. Tên người áp tải hàng (nếu có)
6. Hàng hoá được vận chuyển:

STT	Tên thuốc BVTV/ hoạt chất	Số UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển (3)

7. Hành trình ⁽⁴⁾ từ đến
8. Thời gian bắt đầu vận chuyển.....
9. Thời hạn hiệu lực của giấy phép vận chuyển:.....

....., ngày.....thángnăm.....

CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Vào sổ đăng ký số:
Ngàytháng.....năm....

Ghi chú:

- (1), (2) Trường hợp cấp phép cho nhiều phương tiện, nhiều người điều khiển phương tiện thì Giấy phép bổ sung thêm Phụ lục danh sách phương tiện, người điều khiển phương tiện.
- (3), (4) Trường hợp khối lượng vận chuyển khác nhau, lịch trình vận chuyển đến nhiều địa điểm khác nhau thì Giấy phép bổ sung Phụ lục chi tiết các nội dung này.

9. Thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật với quảng cáo trên báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lân, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 10 ngày làm việc.

Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc gửi trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (*theo mẫu*);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật;

- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự);

- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên (đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

+ Cơ quan thực hiện trực tiếp TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận nội dung quảng cáo

- Phí, lệ phí (nếu có): Phí thẩm định nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật là: 600.000 đồng/lần (hồ sơ).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật *(theo mẫu)*.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

+ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

+ Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT, ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

+ Thông tư số 223/2012/TT-BTC, ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

+ Quyết định số 46/QĐ-SNN, ngày 01/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tên công ty, doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bình Dương.

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

Số giấy phép hoạt động :

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:

Kính đề nghị(tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1.			
...			

Các tài liệu gửi kèm:

1.....

2.....

3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

1. Thủ tục Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt địa chỉ giao dịch.

Bước 2: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận đồng ý cho tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật vào Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật;

Trường hợp không xác nhận, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt địa chỉ giao dịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+Thành phần hồ sơ:

- 02 bản Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT);

- Bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học hoặc Giấy chứng nhận tập huấn về bảo vệ thực vật (đối với dịch vụ thực hiện các biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật);

- Bản sao chụp một trong những giấy tờ xác định địa chỉ giao dịch: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhà ở gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà; Hợp đồng thuê nhà hợp pháp còn hiệu lực tối thiểu là 01 (một) năm; Sổ hộ khẩu (đối với cá nhân);

- Bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) một trong những giấy tờ xác định địa chỉ giao dịch.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): không

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013.

+ Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT, ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ
BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

Tên Tổ chức/cá nhân đăng ký:
Người đại diện (đối với tổ chức):; Chức vụ:
Số CMND; Ngày cấp:; Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Nơi tạm trú:
Địa chỉ giao dịch:
Số điện thoại di động:; Số điện thoại cố định:
Đề nghị xác nhận đăng ký hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật sau đây: (*)
- Dịch vụ tư vấn biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật
- Dịch vụ phòng, chống sinh vật gây hại thực vật
Hồ sơ gửi kèm:

Tôi xin cam đoan toàn bộ các thông tin trong hồ sơ là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật./.

Vào số số..... ngày .../.../.....
**Xác nhận của UBND xã/phường/
thị trấn**

Nêu rõ tên Tổ chức/cá nhân và loại hình
dịch vụ đề nghị xác nhận
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Đại diện Tổ chức/cá nhân đăng ký
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(* Ghi chú: Gạch bỏ nội dung không đăng ký)